

Bản án số: 169/2024/DS-PT
Ngày 28-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;

Ông Nguyễn Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 113/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn M năm 1974; địa chỉ: số B, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai địa chỉ liên lạc: khu phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/01/2023), có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Quốc T1 sinh năm 1979; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Quốc L, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/12/2022), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T1 L1 sinh năm 1976; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T1 L1 Ông Phạm Quốc L, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/8/2023), có mặt.

2. Ông Hoàng Quốc V năm 1973; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Ông Trần Quốc H năm 1985; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Quốc H1: Ông Phạm Quốc L, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp K, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2023), có mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Trần Quốc T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Bùi Văn M1 người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Bùi Văn M2 và Nguyễn Thị Kim T thống nhất trình bày:*

Vào ngày 04/7/2020, tại nhà ông Trần Q T1 ở ấp L, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương gồm có ông Bùi Văn Mông Hoàng Quốc V1 Trần Quốc T1 và ông Trần Quốc H2 lập Văn bản thỏa thuận góp vốn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Theo thỏa thuận trên, thống nhất cử ông Trần Quốc H3 người đứng ra đại diện cho ông Bùi Văn M3 Hoàng Quốc V1 Trần Quốc T1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ngày 23/11/2019 và toàn bộ tài sản trên đất là trại heo nằm trên quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên với tổng giá trị là 36.000.000.000 đồng (ba mươi sáu tỷ đồng).

Thông qua văn bản thỏa thuận, ông Bùi Văn Mông Hoàng Quốc V1 Trần Quốc T1 thỏa thuận góp vốn như sau:

- Ông Hoàng Quốc V2 vốn với số tiền 12.000.000.000 đồng.
- Ông Bùi Văn M4 vốn với số tiền 12.000.000.000 đồng.
- Ông Trần Quốc T3 vốn với số tiền 12.000.000.000 đồng.

Với tổng số vốn là 36.000.000.000 đồng, ông Trần Quốc H4 là người đứng ra nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên, không góp vốn cũng không được hưởng lợi tức phát sinh sau này.

Đến ngày 19/4/2021, tại nhà ông Bùi Văn M5 lạc tại khu phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương gồm có ông Bùi Văn Mông Hoàng Quốc V1 Trần Quốc T1 và ông Trần Quốc H5 “Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử

dụng đất và tài sản trên đất” với nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên và tài sản trên đất cho ông Trần Q T1 đứng ra tiếp quản, quản lý và ông Bùi Văn Mông Hoàng Quốc V1 Trần Quốc T1 rút vốn. Giá chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên cho ông Trần Quốc T4 30.500.000.000 đồng (ba mươi tỷ năm trăm triệu đồng). Theo thỏa thuận, số tiền nêu trên được thỏa thuận chia cho các cổ phần, cụ thể như sau:

- Ông Hoàng Quốc V3 lấy về số tiền là 11.500.000.000 đồng (mười một tỷ năm trăm triệu đồng).

- Ông Bùi Văn M6 lấy về số tiền là 16.600.000.000 đồng (mười sáu tỷ sáu trăm triệu đồng).

- Ông Trần Quốc T5 lấy về số tiền 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

Tại thời điểm thỏa thuận, ông T1 hứa sẽ đưa đủ cho ông Bùi Văn M7 tiền 16.600.000.000 đồng để ông M8 việc khác sau khi rút vốn. Và thực tế, vì ông T1 hứa đưa lại vốn góp cho ông Bùi Văn M9 một lần nên ông M10 chịu thiệt hại. Vì ban đầu số vốn của ông T1 ông M và ông V2 vào là tổng 36.000.000.000 đồng, nhưng tại thời điểm rút vốn tổng số vốn góp hạ xuống còn 30.500.000.000 đồng.

Kể từ ngày 19/4/2021 cho đến nay, ông T1 và vợ là bà Nguyễn Thị T1 L1 đã trả cho ông M11 số tiền là 11.500.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Lần 01, vào ngày 23/4/2021, ông T1 trả cho ông M7 tiền mặt là 3.900.000.000 đồng.

+ Lần 02, vào ngày 25/6/2021, bà L1 chuyển khoản cho ông M7 tiền là 6.100.000.000 đồng.

+ Lần 03, vào ngày 13/7/2021, bà L1 chuyển khoản cho ông M7 tiền là 1.500.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận, thời hạn để ông T1 và bà L1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông M2 kể từ ngày 19/4/2021 cho đến ngày 30/6/2021. Do đó, ngoài số tiền ông T1 và bà L1 phải trả cho ông M7 tiền còn lại là 5.100.000.000 đồng thì ông T1 và bà L1 phải trả lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ tạm tính kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày 14/12/2022 là 744.412.000 đồng (bảy trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm mười hai ngàn đồng), cụ thể sau đây:

+ Lãi chậm trả của số tiền 6.600.000.000 đồng kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày 13/7/2023 là $6.600.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 12 \text{ ngày} = 21.699.000 \text{ đồng}$;

+ Lãi chậm trả của số tiền 5.100.000.000 đồng kể từ ngày 14/7/2021 cho đến ngày 14/12/2022 là $5.100.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 17 \text{ tháng} = 722.500.000 \text{ đồng}$;

Hiện nay, mặc dù quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 254, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ngày 23/11/2019 cho ông T1 và bà L1 đã được ông Trần Quốc H3 em ruột ông Trần Q T1 đứng tên hộ. Đồng thời, ông T1 và bà L1 đã nhờ ông H6 tên hộ vay thế chấp ngân hàng nhưng sau khi nhận được số tiền giải ngân từ ngân hàng thì ông T1 và bà L1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông M12 thỏa thuận.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Bùi Văn M2 bà Nguyễn Thị Kim T6 cầu Tòa án buộc ông Trần Q T1 và bà Nguyễn Thị T1 L1 chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Bùi Văn M7 tiền 5.100.000.000 đồng (năm tỷ một trăm triệu đồng) và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ tạm tính kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày 19/10/2023 là 1.175.836.000 đồng (một tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng), cụ thể như sau:

+ Lãi chậm trả của số tiền 6.600.000.000 đồng kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày 13/7/2023 là $6.600.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 12 \text{ ngày} = 21.699.000 \text{ đồng}$.

+ Lãi chậm trả của số tiền 5.100.000.000 đồng kể từ ngày 14/7/2021 cho đến ngày 19/10/2023 là $5.100.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 827 \text{ ngày} = 1.154.137.000 \text{ đồng}$.

- Bị đơn ông Trần Quốc T2 và người đại diện hợp pháp của ông Trần Q T1 là ông Phạm Quốc L1 nhất trình bày:

Ngày 04/7/2020, ông Trần Quốc T7 ông Hoàng Quốc V4 ông Bùi Văn M4 vốn mua, nhận chuyển nhượng một thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ngày 23/11/2019 và toàn bộ tài sản trên đất. Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 54 có diện tích 42.718m^2 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ngày 23/11/2019 cho ông Vũ Văn B đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Bình Dương từ ông Vũ Văn B1 ông Trần Quốc H7 10/7/2020.

Thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên do ông M3 T1 ông V nhận chuyển nhượng với giá 36.000.000.000 đồng (ba mươi sáu tỷ đồng). Ông M3 T1 ông V mỗi người góp vốn 12.000.000.000 (mười hai tỷ đồng).

Ông M3 T1 ông V cùng thỏa thuận, đồng ý, thống nhất để thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Trần Quốc H3 em ruột của ông Trần Q T1 đại diện cho ông M3 T1 ông V nhận chuyển nhượng thửa đất và đứng tên.

Ông T1 ông V cùng thỏa thuận, đồng ý, thống nhất giao thửa đất cho ông T1 quản lý, đồng thời có người mua lại được giá sẽ chuyển nhượng kiếm lời.

Ông M3 T1 ông V cùng tìm kiếm người mua để chuyển nhượng thửa đất nêu trên, khoảng hơn 06 tháng sau khi mua giá đất tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương giảm giá trên thị trường bất động sản. Ông T1 ông V cùng bàn bạc,

thống nhất cùng chịu lỗ và chuyển nhượng thửa đất trên với giá 30.500.000.000 đồng (ba mươi tỷ năm trăm triệu đồng).

Do tìm kiếm không có người nhận chuyển nhượng đất, ông V1 đồng ý, thống nhất chuyển nhượng lại thửa đất nêu trên cho ông T1 với giá là 30.500.000.000 đồng (ba mươi tỷ năm trăm triệu đồng). Tiền lỗ vốn là 5.500.000.000 đồng chia đều cho ba người.

Theo giá nhận chuyển nhượng của thửa đất trên là 36.000.000.000 đồng, một người góp vốn 12.000.000.000 đồng. Theo giá chuyển nhượng lại của thửa đất nêu trên cho ông T1 là 30.500.000.000 đồng thì ông T1 ông Vông M mỗi người nhận lại số tiền 10.166.600.000 đồng (mười tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Ông T1 ông Vông M cùng góp vốn mua đất giá trị vốn góp bằng, tương đương nhau. Do ông T1 đang quản lý, sử dụng thửa đất nêu trên nên tại Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 19/4/2021 thì ông T1 đồng ý trả lại vốn góp cho ông V5 đồng, trả lại vốn góp cho ông M 1.500.000.000 đồng.

Đối với số tiền ông M6 lấy về 16.600.000.000 đồng ghi tại văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 19/4/2021 là do tại thời điểm xác lập văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ông M1 ông T1 có bàn bạc, thỏa thuận với nhau như sau:

+ Đối với số tiền ông M4 vốn mua đất 12.000.000.000 đồng là tiền ông M13, mượn ngoài xã hội, tiền lãi ông M14 trả 5.100.000.000 đồng. Ông M15 cầu ông T1 phụ giúp tiền lãi này cho ông M

+ Ông T1 và ông M17 thống nhất thỏa thuận khi ông T1 bán, chuyển nhượng được thửa đất nêu trên ông T1 sẽ phụ giúp, trả tiền lãi 5.100.000.000 đồng cho ông M

Từ các thỏa thuận nêu trên giữa ông T1 ông Vông M đối với số tiền góp vốn nhận chuyển nhượng thửa đất số 254, tờ bản đồ số 54 sau khi ông T1 ông Vông M chịu lỗ vốn góp, chuyển nhượng lại cho ông T2 với số tiền 30.500.000.000 đồng, ông T1 đã hoàn trả đầy đủ cho ông M 1.500.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi 5.100.000.000 đồng, ông M18 kiện yêu cầu ông T1 trả cho ông M19 ông T1 đồng ý trả cho ông M20 phần diện tích của thửa đất số 254, tờ bản đồ số 54 có diện tích 42.718m² tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 theo giá trị tương đương 5.100.000.000 đồng. Cụ thể, ông T1 đồng ý tách thửa đất với diện tích ngang 36,4m, dài 55m, tổng diện tích 2.002m² để cân trừ số tiền 5.100.000.000 đồng là tiền lãi mà ông T1 đã bàn bạc, thỏa thuận phụ giúp, trả cho ông M hoặc phần đất khác để cân trừ số tiền 5.100.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 L1 và người đại diện hợp pháp của bà L1 là ông Phạm Quốc L1 nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị T1 L1 và ông Trần Q T1 là vợ chồng. Ngày 04/7/2020, tại nhà bà L1 thuộc xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương thì ông T1 ông Hoàng Quốc

Vông B xác lập Văn bản thỏa thuận góp vốn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Theo đó, ông T15 Bùi Văn M21 ý để cho ông Trần Quốc H3 em ruột ông T1 nhận chuyển nhượng, đứng tên giùm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất ông T1 ông H M góp vốn mua, nhận chuyển nhượng cụ thể như sau: thửa đất số 254, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương với diện tích 42.718m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cho ông Vũ Văn B2 23/12/2019, đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P từ ông Vũ Văn B1 ông Trần Quốc H7 10/7/2020. Ngày 19/4/2021, tại nhà ông M22 ông Vông M23 T1 xác lập văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với nội dung ông Vông M24 thuận chuyển nhượng lại thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 nêu trên cho ông T1 toàn quyền sử dụng. Thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 nêu trên ông T1 đã vay một số tiền để góp vốn cùng ông Vông M25 nhận chuyển nhượng. Do bà L1 là vợ của ông T1 nên thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 mà ông T1 nhờ em của ông T1 là ông Trần Quốc H8 tên giùm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng.

Nay, với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn M26 Nguyễn Thị T1 L1 không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc H1 và người đại diện hợp pháp của ông H3 ông Phạm Quốc L1 nhất trình bày:

Ông Trần Quốc H3 người đứng tên thửa đất số 254, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương với diện tích 42.718m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cho ông Vũ Văn B2 23/12/2019, đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P từ ông Vũ Văn B1 ông Trần Quốc H7 10/7/2020.

Đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 nêu trên, ngày 04/7/2020, tại nhà ông T1 giữa ông Hồng Vông M27 T1 có xác lập văn bản thỏa thuận góp vốn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Theo văn bản thỏa thuận được ký giữa ông Hồng V6 Mông T1 thì ông H9 là người đứng ra nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Vũ Văn B3 thời đại diện cho ông V6 Mông T1 đứng tên giùm trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584.

Đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 thì ông H10 bỏ vốn, không góp vốn cùng ông Vông M27 T1

Ngày 19/4/2021 tại nhà ông M22 ông Hồng Vông M27 T1 xác lập văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Theo văn bản thỏa thuận được ký giữa ông Hồng V6 Mông T1 ngày 19/4/2021 thì ông Vông M24 thuận chuyển nhượng lại thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 cho ông T1 toàn quyền sử dụng, ông H11 diện ông T1 đứng tên giùm trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584.

Nay ông M27 T1 tranh chấp hợp đồng góp vốn để mua, nhận chuyển nhượng thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584, ông H12 kết không tranh chấp về quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 đối với ông T1 ông M với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn M3 Trần Quốc H13 có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Quốc V7 bày:

Trước đây, vào ngày 04/7/2020, tại nhà ông Trần Q T1 gồm ông Bùi Văn Mông Hoàng Quốc V8, ông Trần Quốc T8 lập Văn bản thỏa thuận góp vốn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất. Theo đó, 03 người gồm ông Bùi Văn Mông Hoàng Quốc V8, ông Trần Q T1 thỏa thuận cử ông Trần Quốc H3 người đứng ra đại diện cho ông M3 T1 ông V nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B ngày 23/11/2019 và toàn bộ tài sản trên đất là trại heo nằm trên quyền sử dụng đất nêu trên với tổng giá trị là 36.000.000.000 đồng (ba mươi sáu tỷ đồng). Thông qua văn bản thỏa thuận, 03 người gồm ông Bùi Văn Mông Hoàng Quốc V8, ông Trần Q T1 thỏa thuận góp vốn như sau: ông Hoàng Quốc V1 Bùi Văn M1 ông Trần Q T1 mỗi người góp vốn với số tiền 12.000.000.000 đồng. Với tổng số vốn là 36.000.000.000 đồng, ông Trần Quốc H4 là người đứng ra nhận chuyển nhượng, không góp vốn cũng không được hưởng lợi tức phát sinh sau này. Đến ngày 19/4/2021, các bên gồm ông Bùi Văn Mông Hoàng Quốc V8, ông Trần Quốc T2, ông Trần Quốc H5 văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông Trần Q T1 đứng ra tiếp quản, quản lý và 03 người gồm ông Bùi Văn Mông Hoàng Quốc V8, ông Trần Quốc T2 rút vốn. Giá chuyển nhượng lại cho ông T1 là 30.500.000.000 đồng, trong đó: ông Hoàng Quốc V3 lấy về số tiền là 11.500.000.000 đồng; ông Bùi Văn M6 lấy về 16.600.000.000 đồng; ông Trần Q T1 được lấy về số tiền 2.400.000.000 đồng. Tuy nhiên, vào thời điểm thỏa thuận, ông Trần Q T1 chưa trả tiền cho ông Hoàng Quốc V9 khoảng tháng 8/2022, ông

V10 gặp ông T1 hai bên đã thỏa thuận thống nhất việc ông T1 không đủ tiền trả cho ông V11 thỏa thuận mua bán trước đó thì ông V12 có quyền sử dụng một phần ba thửa đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên. Còn việc ông Bùi Văn M1 ông Trần Quốc T9 thỏa thuận thế nào thì ông V13 biết. Nay, với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn M3 Hoàng Quốc V14 nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Còn việc thỏa thuận giữa ông V4 ông T1 nếu không giải quyết được thì ông V15 khởi kiện bằng một vụ án khác. Ngoài ra, ông V13 có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông T1 và bà L1 chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông M28 tổng số tiền 6.275.836.000 đồng gồm số tiền chưa thanh toán là 5.100.000.000 đồng và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ tạm tính kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày 19/10/2023 là 1.175.836.000 đồng (cụ thể: kể từ ngày 01/7/2021 cho đến ngày 13/7/2023 là 6.600.000.000 đồng x 10%/năm x 12 ngày = 21.699.000 đồng. Kể từ ngày 13/7/2021 cho đến ngày 19/10/2023 là 5.100.000.000 đồng x 10%/năm x 827 ngày = 1.154.137.000 đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn thừa nhận số tiền chưa thanh toán cho nguyên đơn là 5.100.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn một phần diện tích thửa đất số 254 (cụ thể là ngang 36,4m đường, dài 55m với tổng diện tích 2.002m²), tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B giá trị tương đương 5.100.000.000 đồng hoặc bằng quyền sử dụng đất khác với giá trị tương đương 5.100.000.000 đồng để cân trừ.

Đối với số tiền lãi chậm thanh toán do nguyên đơn yêu cầu là không có căn cứ vì thỏa thuận hợp tác có điều kiện theo văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ngày 19/4/2021 tại nhà của ông Bùi Văn M29 có các ông Hoàng Q1 VBùi Văn MTrần Q1 T1 và ông Trần Quốc H14 thỏa thuận nếu đến ngày 30/6/2021 mà ông Trần Q T1 không trả hết số tiền trên cho ông Hoàng Quốc V4 ông Bùi Văn M30 ông Trần Quốc T10 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS03584 do Sở T tỉnh B cấp ngày 23/12/2019 và toàn bộ tài sản trên đất cho ông V4 ông M28 giá thỏa thuận là 30.500.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn M31 đối với bị đơn ông Trần Quốc T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 L1 về “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

2. Buộc bị đơn ông Trần Quốc T11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Bùi Văn M31 số tiền là 6.275.836.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 5.100.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 1.175.836.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 06/11/2023, bị đơn ông Trần Q T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Ông Bùi Văn M32 tính tiền lãi chậm trả với số tiền là 1.175.836.000 đồng mà án bản sơ thẩm đã tuyên buộc.

Ông Trần Quốc T11 bà Nguyễn Thị T1 L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Bùi Văn M31 số tiền gốc là 5.100.000.000 đồng.

Ông Trần Quốc T11 bà Nguyễn Thị T1 L1 tự nguyện chịu án phí sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đối với phần rút yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Quốc V16 được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Bùi Văn M2 Luật sư Trần Hữu N vắng mặt và có đơn yêu cầu hoãn phiên tòa. Xét, yêu cầu hoãn phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông M32 thuộc các trường hợp phải hoãn phiên tòa. Đồng thời, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông M2 bà Nguyễn Thị Kim T12 đình bà T13 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và không cần người bảo vệ quyền và

lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư ông Trần Hữu N, tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Quốc V17 quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Bùi Văn M2 bà Nguyễn Thị Kim T14 người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 L1 là ông Phạm Quốc L thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Ông Bùi Văn M32 tính tiền lãi chậm trả với số tiền là 1.175.836.000 đồng mà án bản sơ thẩm đã tuyên buộc.

Ông Trần Quốc T11 bà Nguyễn Thị T1 L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Bùi Văn M31 số tiền gốc là 5.100.000.000 đồng.

Ông Trần Quốc T11 bà Nguyễn Thị T1 L1 tự nguyện chịu án phí sơ thẩm.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên tại phiên tòa là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quốc T1 và bà Nguyễn Thị T1 L1 tự nguyện chịu án phí sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 148, Điều 296, Điều 300, Điều 312 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 280, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Quốc T2

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1.1. Ông Trần Quốc T11 bà Nguyễn Thị T1 L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Văn M31 số tiền gốc là 5.100.000.000 đồng (năm tỷ một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2.1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Quốc T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 L1 phải liên đới nộp số tiền 113.100.000 đồng (một trăm mười ba triệu một trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Bùi Văn M7 tiền 56.550.000 đồng (năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007908 ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quốc T10 chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0002915 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương (do ông Phạm Quốc L2 thay).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết